

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS- ST

Ngày: 31-7-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thế Kỳ.

2. Ông Nguyễn Như Tạ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Vân - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Minh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ sự thụ lý số: **92/2023/TLST-DS** ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-DS ngày 13/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1974 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn Quảng L, xã Nghĩa T, huyện Đắc R'L, tỉnh Đắc N.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn Quảng L, xã Nghĩa T, huyện Đắc R'L, tỉnh Đắc N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Chu Văn V, sinh năm 1968 - có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Quảng L, xã Nghĩa T, huyện Đắc R'L, tỉnh Đắc N.

- Ông Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1963 - có mặt.

Địa chỉ: Thôn Quảng L, xã Nghĩa T, huyện Đắc R'L, tỉnh Đắc N.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1998 - có mặt.

Địa chỉ: Thôn Quảng L, xã Nghĩa T, huyện Đắc R'L, tỉnh Đắc N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ý kiến nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: Ngày 26/9/2022, bà Nguyễn Thị Th sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn Quảng L, xã Nghĩa T, huyện Đắc R'L, tỉnh Đắc N có vay của bà T số tiền 175.000.000 đồng. Trong giấy vay ghi bà Th vay 150.000.000 đồng và bé anh (tên là Nguyễn Thị Ngọc A là con bà Th và ông Nguyễn Khắc Đ) vay thêm số tiền 25.000.000 đồng (số tiền này bà Th vay để cho con), giấy vay hai bên

không thoả thuận lãi suất, các bên thoả thuận thời hạn trả nợ là ngày 26/12/2022.

Ngày 07/12/2022, bà Nguyễn Thị Th tiếp tục vay bà Phạm Thị T số tiền 2.570.000.000 đồng, giấy vay hai bên không thoả thuận lãi suất, các bên thoả thuận thời hạn trả nợ là ngày 07/01/2023.

Đến hạn trả nợ mặc dù đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị Th không chịu trả nợ số tiền trên. Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà T số tiền 2.745.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Theo bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Ngày 26/9/2022, bà Nguyễn Thị Th có vay của bà Phạm Thị T số tiền 175.000.000 đồng. Trong giấy vay ghi bà Th vay 150.000.000 đồng và bé anh tên là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1994 (con bà Th và ông Nguyễn Khắc Đ) vay thêm số tiền 25.000.000 đồng, giấy vay hai bên không thoả thuận lãi suất, các bên thoả thuận thời hạn trả nợ là ngày 26/12/2022 sẽ trả nhưng do khó khăn nên chưa trả được cho bà T số tiền này. Bà Th thừa nhận vay của bà T số tiền 25.000.000 đồng để cho con chị Nguyễn Thị Ngọc A và đồng ý trả số tiền này.

Đối với số tiền 2.570.000.000 đồng theo giấy vay đề ngày 07/12/2022, thì thực chất bà Th không vay bà Th mà là tiền nợ do làm ăn với bà Th. Bà Th không vay hay nhận số tiền 2.570.000.000 đồng từ bà T. Bà Th thừa nhận có ký vào giấy vay số tiền 2.570.000.000 đồng ngày 07/12/2022 nhưng là do tiền nợ làm ăn nên không đồng ý trả cho bà T số tiền này. Bà Th chấp nhận trả số tiền vay 175.000.000 đồng.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn V trình bày: Ngày 26/9/2022, bà Nguyễn Thị Th có vay của bà Phạm Thị T số tiền 175.000.000 đồng, giấy vay hai bên không thoả thuận lãi suất, các bên thoả thuận thời hạn trả nợ là ngày 26/12/2022.

Ngày 07/12/2022, bà Nguyễn Thị Th tiếp tục vay của bà Phạm Thị T số tiền 2.570.000.000 đồng, giấy vay hai bên không thoả thuận lãi suất, các bên thoả thuận thời hạn trả nợ là ngày 07/01/2023.

Đến hạn trả nợ mặc dù đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị Th không chịu trả. Nay bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà T số tiền 2.745.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm thì ông V đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc Đ trình bày: Khoản vay ngày 26/9/2022 số tiền 175.000.000 đồng và khoản vay ngày 07/12/2022 số tiền 2.570.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Th (vợ ông Định) có vay của bà Phạm Thị T hay không, phía bà Th không nói nên ông Đ không biết và không đồng ý trả số tiền nợ này.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Khoản vay ngày 26/9/2022 số tiền 175.000.000 đồng và khoản vay ngày 07/12/2022 số tiền 2.570.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Th (mẹ chị L) có vay của bà Phạm Thị T hay không, phía chị L không biết và không đồng ý trả số tiền nợ này.

Giấy vay ngày 07/12/2022, nội dung giấy thể hiện mẹ chị là bà Nguyễn Thị Th vay của bà Phạm Thị T số tiền 2.570.000.000 đồng, giấy vay hai bên không thoả thuận lãi suất, các bên thoả thuận thời hạn trả nợ là ngày 07/01/2023. Phân ghi người làm chứng Nguyễn Thị Ngọc L không phải là chữ ký của chị L, chị L không chứng kiến việc vay mượn và cũng không ký vào giấy vay này.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị T xác định vào cuối năm 2022, bà Nguyễn Thị Th đã trả cho bà T số tiền gốc vay của hai khoản nợ là 1.000.000 đồng nên rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà T tổng cộng số tiền là 2.744.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Th xác định vào cuối năm 2022 đã trả cho bà Phạm Thị T 03 lần tổng cộng số tiền 52.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ gì, không có người làm chứng và cũng không có chứng cứ chứng minh. Bà Th đồng ý trả cho bà T số tiền 2.744.000.000 đồng trừ đi số tiền đã trả là 52.000.000 đồng, bà Th tự trả số tiền này không liên quan đến ông Nguyễn Khắc Đ.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc Đ xác định số tiền 2.744.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Th có vay của bà Phạm Thị T hay không thì ông Đ không biết và không đồng ý trả số tiền này.

Tại phiên tòa, người làm chứng chị Nguyễn Thị Ngọc L xác định ngày 07/12/2022, chị L có viết và ký giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng đối với người vay bà Nguyễn Thị Th (là mẹ của chị L) và người cho vay bà Phạm Thị T số tiền vay là 2.570.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn V nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông V đã có lời khai đầy đủ trong quá trình giải quyết vụ án được lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại các điểm khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T, buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Phạm Thị T và ông Chu Văn V số tiền 2.744.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền vay 2.745.000.000 đồng, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Th có địa chỉ tại Thôn Quảng L, xã Nghĩa T, huyện Đắk R'L, tỉnh Đắk N. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn Vươn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 26/9/2022, bà Phạm Thị T có cho bà Nguyễn Thị Th vay số tiền 175.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 26/12/2022 và ngày 07/12/2022, bà T tiếp tục cho bà Th vay số 2.570.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 07/01/2023.

Mặc dù đến hạn trả nợ và đòi nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị Th không trả nợ như thỏa thuận. Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền gốc vay tổng cộng là 2.745.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị T xác định vào cuối năm 2022, bà Nguyễn Thị Th đã trả cho bà Th số tiền gốc của hai khoản vay số tiền là 1.000.000 đồng nên rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.000.000 đồng đã trả, yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà T tổng cộng là 2.744.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Th thừa nhận ngày 26/9/2022 có vay của bà Phạm Thị T số tiền 175.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 26/12/2022. Ngày 07/12/2022, bà Th tiếp tục vay bà T số tiền 2.570.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 07/01/2023. Vào cuối năm 2022, bà T đã trả bà Th 03 lần tổng cộng số tiền 52.000.000 đồng, hiện nay chỉ còn nợ 2.692.000.000 đồng và đồng ý trả bà T số tiền này. Số tiền 52.000.000 đồng bà Th trả cho bà Th thì không làm giấy tờ gì, không có người làm chứng và cũng không có chứng cứ chứng minh. Bà Th sẽ tự trả số tiền 2.692.000.000 đồng cho bà T không liên quan đến ông Nguyễn Khắc Đ.

Đối với khoản vay ngày 07/12/2022, bà Nguyễn Thị Th vay của bà Phạm Thị T số tiền 2.570.000.000 đồng, bà T, bà Th đã ký nhận, giấy vay có người làm chứng là chị Nguyễn Thị Ngọc L (chị L là con bà Th, ông Đ). Quá trình giải quyết vụ án, chị L không thừa nhận chữ ký và chữ viết của mình tuy nhiên tại phiên tòa, chị L đã thừa nhận có làm chứng viết giấy giúp và ký làm chứng giấy vay này. Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của chị L. Tại Kết luận giám định số 198/KL-KTHS ngày 30/5/2023, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Chữ ký và chữ viết trong giấy vay so với chữ ký chữ viết của chị L trong mẫu so sánh là do một người viết và ký ra.

Do đó, có thể khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại 463 của Bộ luật Dân sự và đã phát sinh hiệu lực. Đến hạn trả nợ vay nhưng bà Nguyễn Thị Th không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết ngày 26/9/2022 và ngày 07/12/2022, được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị T nên bà T có quyền khởi kiện yêu cầu bà Th phải trả nợ số tiền vay 2.745.000.000 đồng.

Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

...

Do đó cần buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Phạm Thị T và ông Chu Văn V số tiền 2.745.000.000 đồng là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Th xác định vào cuối năm 2022 đã trả cho bà Phạm Thị T 03 lần tổng cộng số tiền 52.000.000 đồng, khi trả không làm giấy tờ gì, không có người làm chứng và cũng không có chứng cứ chứng minh, phía bà Phạm Thị T chỉ thừa nhận vào cuối năm 2022, bà Th chỉ trả nợ gốc số tiền là 1.000.000 đồng của 02 khoản vay trên và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.000.000 đồng là có căn cứ và cần chấp nhận.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. Từ những phân tích, nhận định trên đây Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Th. Buộc bà Th phải trả cho bà Phạm Thị T và ông Chu Văn V tổng cộng số tiền là 2.744.000.000 đồng và đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Th về yêu cầu trả số tiền 1.000.000 đồng.

[6]. Về chi phí giám định: Căn cứ Điều 161; Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị Th phải nộp 12.000.000 đồng chi phí giám định. Bà Phạm Thị T đã nộp tiền tạm ứng nên bà Th phải trả cho bà T số tiền 12.000.000 đồng chi phí giám định.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí trên số tiền 2.744.000.000 đồng = 86.880.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền 43.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 162; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Th.

Buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Phạm Thị T và ông Chu Văn V số tiền 2.744.000.000đ (Hai tỷ, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Th về yêu cầu trả số tiền 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Phạm Thị T số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) chi phí giám định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 86.880.000đ (tám mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị T số tiền 43.450.000đ (Bốn mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005334 ngày 21/4/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn V vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đình Quy